

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN
BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 75 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09/10/2019

"V/v Ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyên

- Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Ngọc Thắng, bà Hồ Thị Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: bà Mai Thị Chang - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Tiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm, thụ lý số 308/2019/ HNGĐ - ST ngày 22 tháng 07 năm 2019, về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74 /2019/ QĐST – HNGĐ ngày 27 tháng 09 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Ma Th L; Sinh năm 1986(vắng mặt)

Địa chỉ : thôn 4, xã Th Nh , huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

Chỗ ở hiện nay: Chợ Lèng, xã Q Kh, huyện B B, tỉnh Bắc Kạn

- Bị đơn: anh Đỗ Th H; Sinh năm 1981(vắng mặt)

Địa chỉ : thôn 4, xã Th Nh , huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 17/06/2019 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Ma Th L xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng qua lời khai trình bày:

Tôi và anh Đỗ Th H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn, đến ngày 17/5/2012 mới làm thủ tục Đăng ký kết hôn tại UBND xã Th Nh , huyện B Đ, tỉnh Bình Phước, quá trình sống chung thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do mỗi người có tính cách sống khác nhau, việc làm kinh tế gia đình mỗi người mỗi ý, tự ai người đó làm, anh Đỗ Th H thường xuyên có bạo lực gia đình, tôi không thể chịu đựng được và tôi bỏ về quê sinh sống từ năm 2015 cho đến nay, chúng tôi sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau nữa, tình cảm vợ chồng không còn, không duy trì được hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đỗ Th H.

Về con chung: Có 3 người con chung là Đỗ Th Th L , sinh ngày 23/12/2003; Đỗ Th T, sinh ngày 10/05/2008; Đỗ Th T, sinh ngày 02/03/2010, các con đang ở với anh Đỗ Th H, nguyện vọng sau ly hôn là để anh Đỗ Th H nuôi con.

Về tài sản chung : Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Đỗ Th H vắng mặt tại phiên tòa nhưng qua lời khai trình bày :

Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý với lời trình bày của cô Ma Th L về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống có hạnh phúc, sau đó vợ chồng có mâu thuẫn, cô Ma Th L bỏ đi từ năm 2015 đến nay là đúng, nhưng tôi không đồng ý ly hôn, tôi chỉ đồng ý ly hôn khi cô Ma Th L quay về có mặt ở đây để giải quyết.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phát biểu quan điểm khẳng định: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đủ trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tố tụng của các đương sự theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

1/Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

2/ Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: chị Ma Th L có đăng ký kết hôn với anh Đỗ Th H, nay chị Ma Th L xin ly hôn với anh Đỗ Th H, vì vậy quan hệ pháp luật là “ Tranh chấp ly hôn”, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

3/ Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng chị Ma Th L và anh Đỗ Th H tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th Nh , huyện B Đ, tỉnh Bình Phước năm 2012, như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Đỗ Th H và chị Ma Th L là hợp pháp.

Xét mâu thuẫn gia đình: Quá trình sống chung, anh Đỗ Th H và chị Ma Th L đã xảy ra nhiều mâu thuẫn vợ chồng, chị Ma Th L đã bỏ đi nơi khác sinh sống từ năm 2015 cho đến nay, các bên đã thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân, như vậy mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Ma Th L được ly hôn với anh Đỗ Th H.

4/Về con chung: Có 3 người con chung là Đỗ Th Th L, sinh ngày 23/12/2003; Đỗ Th T, sinh ngày 10/05/2008; Đỗ Th T, sinh ngày 02/03/2010, các cháu đang ở với anh Hải, nguyện vọng sau ly hôn là để anh Đỗ Th H nuôi các con, anh Hải đồng ý vì vậy cần giao các cháu cho anh Hải nuôi dưỡng.

5/Về tài sản chung : Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

6/Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

7/Về án phí: chị Ma Th L nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chị Ma Th L được ly hôn với anh Đỗ Th H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 60, quyền số 01 năm 2012 ngày 17/05/2012 do UBND xã Th Nh , huyện B Đ, tỉnh Bình Phước cấp hết hiệu lực khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao các cháu Đỗ Th Th L, sinh ngày 23/12/2003; Đỗ Th T, sinh ngày 10/05/2008; Đỗ Th T, sinh ngày 02/03/2010 cho anh Đỗ Th H chăm sóc , nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nuôi con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3/Về tài sản chung : Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4/Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5/ Về án phí: chị Ma Th L nộp số tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền 300.000đ mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009592 ngày 22/07/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước. (Đã nộp xong)

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H.Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên